| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN L**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 39/2020/HS-ST
Ngày 23-6-2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chỉnh; Bà Nguyễn Thị Hoan.*

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 17 tháng 6 năm 2020 đến 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/HSST-QĐ ngày 20/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/HSST-QĐ ngày 17/6/2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1984 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; giới T: Nam; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 4/12; con ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1954 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; có 02 con (Con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2010/HSST ngày 18/5/2010 của Toà án nhân dân huyện L xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 23 tháng 18 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; tại bản án hình sự sơ thẩm số 75/2019/HS-ST, ngày 16/10/2019 của Toà án nhân dân huyện L xử phạt 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019 được tại ngoại. Hiện Nguyễn Tiến T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam H – Bộ Công an theo Bản án số 75/2019/HSST ngày 16/10/2019 của Toà án nhân dân huyện L (Có mặt tại phiên tòa).

**2. Nguyễn Tường T,** sinh năm 1991 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Giới T: Nam; Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 09/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Tường T (đã chết) và con bà Đinh Thị V, sinh năm 1963; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

**3. Bàn Văn Đ**, sinh năm 1987 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Giới T: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 05/12; con ông Bàn Văn T và con bà Nguyễn Thị L (Đều đã chết); Vợ là Vi Thị T, sinh năm 1988; Có hai con (Con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

**4. Nguyễn Tiến T1**, sinh năm 1975 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Giới T: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 05/12; con ông Nguyễn Tiến H và con bà Nguyễn Thị M (Đều đã chết); Vợ là Hoàng Thị B, sinh năm 1982; Có 02 con (Con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

**5. Nguyễn Văn S**, sinh năm 1984 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Giới T: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Bình T, sinh năm 1955 và con bà Đỗ Thị H, sinh năm 1960; Vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; Có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

**6. Tống Văn T**, sinh năm 1982 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Giới T: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng;Trình độ học vấn: 4/12; con ông Tống Văn S, sinh năm 1950 và con bà Tơ Thị N, sinh năm 1956; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

**7. Tống Văn M**, sinh năm 1986 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Giới T: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; con ông Tống Văn N, sinh năm 1965 và con bà Trần Thị N, sinh năm 1967; Vợ là Đàm Thị T, sinh năm 1995; Có một con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án hình

sự sơ thẩm số 19/2010/HSST, ngày 15/3/2010 của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang xử phạt 2 năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 4 năm, về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Tống Văn M đã chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm ngày 29/4/2010; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

**8. Đàm Văn B**, sinh năm 1994 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Giới T: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; con ông Đàm Văn L, sinh năm 1969 và con bà Nịnh Thị T, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

**9. Nguyễn Quang T**, sinh năm 1991 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Giới T: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1962 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; Vợ là Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1999; Có 02 con (Con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

**10. Tô Văn N**, sinh năm 1992 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 08/12; con ông Tô Văn T và con bà Đàm Thị T (Đều đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

**11. Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Giới T: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 05/12; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1955 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; Vợ là Tàng Thị H, sinh năm 1983; Có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

**12. Đàm Văn B1**, sinh năm 1987 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Giới T: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12; con ông Đàm Văn T, sinh năm 1960 và con bà Phan Thị T, sinh năm 1964. Vợ là Lục Thị L, sinh năm 1989; Có hai con (Con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhấ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019. Hiện

đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

***Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan**:

1. Trần Thị L, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bùi Thanh H, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Đàm Văn T, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Tô Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người làm chứng:**

1. Đàm Văn P, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Tống Văn C, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Dương Văn T, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Chu Văn T, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

5. Nguyễn Đình L, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

6. Phan Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

7. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 05 phút ngày 10/10/2019, tại nhà ở của bà Trần Thị L trú tại thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L phối hợp với Công an xã L phát hiện bắt quả tang một số đối tượng đang có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa, bắt tại chỗ đối với các đối tượng Nguyễn Đình L, Nguyễn Tiến T, Đàm Văn P, Tống Văn C, Tống Văn T, Dương Văn T, Tống Văn M, Bàn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Đàm Văn B1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Tiến T1, Chu Văn T, Tô Văn N, Phan Văn T, Nguyễn Quang T, Nguyễn Tường T, Đàm Văn B.

Tang vật thu giữ gồm: Thu tại chiếu bạc số tiền 10.200.000 đồng, 01 bát con bằng sứ màu trắng, 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng có hoa văn hoa, 04 quân bài vị bằng gỗ, một mặt màu đen, một mặt màu nâu, 02 chiếu nhựa và 01 chiếu cói đã cũ.

Kiểm tra trên người các đối tượng thu giữ những đồ vật, tài sản sau: Nguyễn Tiến T: 01 điện thoại Nokia màu trắng và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, số tiền 5.700.000 đồng; Nguyễn Đình L  01 điện thoại Nokia màu đen; Đàm Văn P số tiền 1.000.000 đồng; Tống Văn C số tiền 130.000 đồng và 01 điện thoại OPPO màu xanh; Tống Văn T 01 điện thoại VIVO màu trắng; Dương Văn T 01 điện thoại OPPO màu Gold và số tiền 4.000.000 đồng; Tống Văn M 01 điện thoại FPT màu trắng; Bàn Văn Đ 01 điện thoại Iphone màu trắng và số tiền 1.240.000 đồng; Nguyễn Văn S 01 điện thoại Samsung màu xanh và số tiền 250.000 đồng; Nguyễn Tiến T1 số tiền 800.000 đồng; Chu Văn T 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng; Đàm Văn B 01 điện thoại OPPO màu tím than và 355.000 đồng; Nguyễn Tường T 01 điện thoại Samsung màu bạc và số tiền 2.000.000 đồng.

Ngoài ra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L còn lập biên bản tạm giữ đối với 07 chiếc xe mô tô tại nhà bà Trần Thị L gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn đỏ đen, Biển kiểm soát 98N4- 1262; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn xanh, biển kiểm soát 98N2- 1922; 01 xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA, loại xe Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98L1- 7260; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn trắng, biển kiểm soát 98B1- 967.24; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát: 98H9-3410; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, màu sơn nâu, Biển kiểm soát 98H9- 4026; 01 xe mô tô nhãn hiệu DETECH, loại xe Win, màu sơn xanh đen, biển kiểm soát 98E1-270.10.

Ngày 11/10/2019, Đàm Văn T và Tô Văn T đến Công an huyện L đầu thú về hành vi đánh bạc tại nhà bà L. Ngày 22/10/2019, Bùi Thanh H đến Công an huyện L đầu thú về hành vi đánh bạc tại nhà bà L.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 17 giờ ngày 09/10/2019, bà Trần Thị L có làm cơm mời họ hàng, hàng xóm đến để cảm ơn vì hộ giúp gia đình bà trong việc tổ chức tang lễ cho chồng bà. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, Tô Văn T và Đàm Văn T cùng ngồi uống nước tại nhà bà L. Tô Văn T, Đàm Văn T và một số người không rõ tên tuổi, địa chỉ rủ nhau đánh bạc, sát phạt tiền bằng hình thức đánh xóc đĩa. T thấy có 01 bát con bằng sứ màu trắng, 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng có hoa văn hoa và 04 quân bài vị hình chữ nhật, một mặt màu đen, một mặt màu nâu được cắt từ mảnh gỗ để dưới sàn nhà, vị trí dưới chân cột gần bàn thờ nhà bà L. T cầm bát đĩa và quân bài vị ngồi xuống chiếu trải sẵn khi ăn cơm để đánh bạc. Lúc đầu đánh bạc T là người xóc cái, sau đó có Bùi Thanh H đến và cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 30 phút sau, T hết tiền nên

không xóc cái nữa, Đàm Văn T cũng nghỉ không chơi nữa, Bùi Thanh H làm xóc cái thay T. Quá trình H làm xóc cái thì có Tống Văn M, Đàm Văn B1, Đàm Văn B cùng vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Bùi Thanh H thua hết tiền nên không xóc cái nữa. Lúc này, Nguyễn Bá T vào làm xóc cái thay H. Sau đó có Nguyễn Văn S, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Nguyễn Tường T, Tô Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang T, Tống Văn T, Nguyễn Tiến T vào tham gia đánh bạc. Do số người đến nhà bà L chơi và hỏi thăm đông, ra vào liên tục, các đối tượng không nhớ thời gian đến cụ thể nên không thể xác định được đối tượng đến trước và đến sau. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 0 giờ 05 phút ngày 10/10/2019 thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L phối hợp với Công an xã L phát hiện bắt quả tang, thu giữ tang vật như đã nêu ở trên, Nguyễn Bá T đã L dụng sơ hở bỏ chạy thoát.

Cách thức đánh bạc: Dùng một bát, một đĩa sứ và 04 quân bài vị để làm dụng cụ đánh bạc. Khi bắt đầu ván bạc, người xóc cái cho 04 quân bài vị vào đĩa rồi úp bát lại xóc đều và đặt xuống thì các đối tượng tham gia đánh bạc bắt đầu đặt tiền ở cửa chẵn hay cửa lẻ tùy thích và đặt thấp nhất là 10.000 đồng, còn cao hơn thì không giới hạn nhưng tùy theo người xóc cái có nhận hay không hoặc người xóc cái có thể bán số tiền đó hoặc số tiền bất kỳ cho người chơi khác, nếu người nào nhận thì phải chịu trách nhiệm về số tiền đã mua, còn không ai nhận thì người xóc cái có quyền không nhận của người chơi. Theo quy định bên tay phải người xóc cái là cửa chẵn còn bên tay trái người xóc cái là cửa lẻ. Sau khi đặt cược hoặc mua bán xong thì bắt đầu mở bát để T thắng thua, nếu có 01 hoặc 03 quân bài vị có cùng màu thì gọi là lẻ còn có 02 hoặc 04 quân bài vị có cùng màu thì gọi là chẵn, nên sau khi mở bát người chơi nào đặt tiền ở cửa trùng với cửa khi mở bát thì sẽ thắng, còn người chơi nào đặt tiền ở cửa không trùng với cửa khi mở thì sẽ thua. Trong ván bạc người xóc cái không bán bất kỳ số tiền ở cửa nào thì người xóc cái sẽ lấy hết số tiền ở cửa thua để trả bằng số tiền cho cửa thắng đã đặt cược nếu thừa thì cầm về còn nếu thiếu thì phải bù ra để trả. Trường hợp nếu người xóc cái trước khi mở bát đã bán số tiền ở cửa nào đó cho người chơi khác thì người nào mua số tiền đó mà trùng với cửa khi mở bát thì phải thanh toán bằng số tiền đã mua, còn nếu không trùng với cửa khi mở bát thì sẽ lấy hết số tiền đã mua về và tiếp tục đánh ván bạc tiếp theo.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận về số tiền sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

- Trước khi tham gia đánh bạc, Tống Văn T có mang theo số tiền 150.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang, Toàn đã thua hết số tiền trên.

- Tống Văn M có mang theo số tiền 100.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang, Mạnh đã thua hết số tiền trên.

- Nguyễn Quang T có số tiền 50.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang, Thắng đã thua hết số tiền trên.

- Đàm Văn B1 có mang theo số tiền 50.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang, Bình đã thua hết số tiền trên.

- Nguyễn Văn T có mang theo số tiền 50.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang, Tạo đã thua hết số tiền trên.

- Tô Văn N có mang theo số tiền 50.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang, Nhất đã thua hết số tiền trên.

- Nguyễn Văn S có mang theo số tiền 700.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang, Sơn còn số tiền 250.000 đồng bị thu giữ.

- Nguyễn Tiến T có mang theo số tiền 6.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang thua 300.000 đồng, số tiền còn lại trên người 5.700.000 đồng bị thu giữ.

- Nguyễn Tiến T1 có mang theo số tiền 1.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang thua 200.000 đồng, Tuyên còn số tiền là 800.000 đồng bị thu giữ.

- Bàn Văn Đ có mang theo số tiền 1.805.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang, Đ còn số tiền 1.240.000 đồng bị thu giữ.

- Đàm Văn B có mang theo số tiền 455.000 đồng. Tuy nhiên, Bắc chỉ sử dụng 100.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang, Bắc đã thua hết số tiền 100.000 đồng, còn lại số tiền 355.000 đồng, Bắc không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Nguyễn Tường T có mang theo số tiền 2.200.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang, T còn số tiền 2.000.000 đồng bị thu giữ.

- Bùi Thanh H có số tiền 600.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, khi nghỉ không đánh bạc nữa, H đã thua hết số tiền trên.

- Đàm Văn T khi tham gia đánh bạc có số tiền 200.000 đồng, khi nghỉ không tham gia đánh bạc nữa T còn số tiền 50.000 đồng .

- Tô Văn T khi tham gia đánh bạc có số tiền 200.000 đồng, khi nghỉ không đánh bạc nữa, T đã thu hết số tiền trên.

Như vậy, tổng số tiền các đối tượng Nguyễn Bá T, Nguyễn Tiến T, Nguyễn Tường T, Nguyễn Văn S, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Đàm Văn B, Tô Văn N, Tống Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang T, Đàm Văn B1, Tống Văn T sử dụng vào mục đích đánh bạc là 20.190.000 đồng. Trong đó, số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 10.200.000 đồng, số tiền thu giữ trên người các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.990.000 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L các bị cáo Nguyễn Tiến T, Nguyễn Tường T, Nguyễn Văn S, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Đàm Văn B, Tô Văn N, Tống Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang T, Đàm Văn B1, Tống Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm như đã nêu ở trên.

Từ những nội dung trên, bản Cáo trạng số 22/CT – VKS ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến T, Nguyễn Tường T, Nguyễn Văn S, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Đàm Văn B, Tô Văn N, Tống Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang T, Đàm Văn B1, Tống Văn T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố và xác định việc bị truy tố là đúng người, đúng tội và không oan.

Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan và một số người làm chứng mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến T, Nguyễn Tường T, Nguyễn Văn S, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Đàm Văn B, Tô Văn N, Tống Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang T, Đàm Văn B1, Tống Văn T phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Tiến T từ 10 tháng tù đến 15 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 13 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2019/HSST ngày 16/10/2019 của Toà án nhân dân huyện L. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 23 tháng tù đến 28 tháng tù. Thời hạn tù T từ ngày 31/12/2019, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Nguyễn Tiến T.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Tường T từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng. Giao bị cáo Nguyễn Tường T cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Bàn Văn Đ 08 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng. Giao bị cáo Bàn Văn Đ cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Bàn Văn Đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Tiến T1 từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng. Giao bị cáo Nguyễn Tiến T1 cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Nguyễn Tiến T1.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn S từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng. Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Tống Văn M từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Giao bị cáo Tống Văn M cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Tống Văn M.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đàm Văn B từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Giao bị cáo Đàm Văn B cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Đàm Văn B.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Tống Văn T từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Giao bị cáo Tống Văn T cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Tống Văn T.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Quang T từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Giao bị cáo Nguyễn Quang T cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Tô Văn N từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Giao bị cáo Tô Văn N cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Tô Văn N.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn T từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng đối với Nguyễn Văn T.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đàm Văn B1 từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Giao bị cáo Đàm Văn B1 cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Đàm Văn B1.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Về xử lý vật chứng**: Đề nghị áp dụng 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến T 01 xe mô tô biển kiểm soát 98N2- 1922; 01 điện thoại Nokia màu trắng và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen.

Trả lại cho bị cáo Đàm Văn B số tiền 355.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang T 01 xe mô tô Dream biển kiểm soát 98L1- 7260, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 bát con bằng sứ màu trắng, 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng có hoa văn hoa, 04 quân bài vị bằng gỗ, một mặt màu đen, một mặt màu nâu, 02 chiếu nhựa, 01 chiếu cói đã cũ.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 20.190.000 đồng.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội, buộc các bị cáo Nguyễn Tường T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Tiến T, Đàm Văn B, Đàm Văn B1, Tống Văn T, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Tống Văn M và Tô Văn N.

* Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền L nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**Tại phần tranh luận:**

Các bị cáo đều không có ý kiến gì tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ xác định các bị cáo phạm tội:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa của các bị cáo thể hiện: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/10/2019, tại nhà ở của gia đình bà Trần Thị L tại thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang, các đối tượng Nguyễn Tiến T, Nguyễn Tường T, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Nguyễn Văn S, Tống Văn T, Tống Văn M, Đàm Văn B, Nguyễn Quang T, Tô Văn N, Nguyễn Văn T, Đàm Văn B1, Nguyễn Bá T thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa. Các đối tượng trên đánh bạc đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 10/10/2019 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L phối hợp với Công an xã L phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật, Nguyễn Bá T L dụng sơ hở nên chạy thoát. Tổng số tiền các đối tượng Nguyễn Văn S, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Đàm Văn B, Nguyễn Tường T, Tô Văn N, Tống Văn M, Nguyễn Tiến T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang T, Đàm Văn B1, Tống Văn T, Nguyễn Bá T sử dụng vào mục đích đánh bạc là 20.190.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền L nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng bị thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa.

Đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Tiến T, Nguyễn Tường T, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Nguyễn Văn S, Tống Văn M, Đàm Văn B, Tống Văn T, Nguyễn Quang T, Tô Văn N, Nguyễn Văn T, Đàm Văn B1 phạm tội "Đánh bạc". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 19/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến lĩnh vực trật tự công cộng, gây mất an ninh trong xã hội và gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc và kinh tế của nhiều gia đình, là cơ sở phát sinh nhiều tội phạm cũng như tệ nạn xã hội khác. Do đó cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và nhằm đấu tranh, phòng ngừa đối với loại tội phạm này nói chung.

[3] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy:

Đây là vụ án có đồng phạm về tội đánh bạc, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo chỉ là những người ở cùng thôn, xã, việc đánh bạc do bột phát khi sang hỏi thăm đám hiếu nhà bà Trần Thị L chứ không có ai là người rủ rê, lôi kéo hay hẹn hò từ trước. Các bị cáo đánh bạc với thời gian ngắn và số tiền sử dụng đánh bạc ít. Quá trình điều tra không xác định được ai là người chủ mưu, cầm đầu, không có ai được phân công làm người xóc cái, chuẩn bị công cụ phương tiện đánh bạc. Do vậy việc xác định vai trò đối với các bị cáo dựa vào lượng tiền dùng để đánh bạc, cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Tiến T là người có số tiền dùng vào đánh bạc nhiều nhất (6.000.000 đồng) nên bị cáo T giữ vai trò cao nhất trong vụ án. Các bị cáo Nguyễn Tường T, Bàn Văn Đ có số tiền đánh bạc từ 1.805.000 đồng – 2.200.000 đồng nên cùng giữ vai trò thứ hai. Các bị cáo Nguyễn Tiến T1, Nguyễn Văn S có số tiền đánh bạc từ 700.000 đồng – 1.000.000 đồng nên cùng giữ vai trò thứ ba. Các bị cáo Tống Văn T, Tống Văn M, Đàm Văn B, Nguyễn Quang T, Tô Văn N, Nguyễn Văn T, Đàm Văn B1 là những người có số tiền dùng đánh bạc ít nhất (Từ 50.000 đồng – 150.000 đồng) nên những bị cáo này giữ vai trò thấp nhất trong vụ án. Tuy vậy, khi lượng hình cũng cần phải xem xét đến những yếu tố khác như T chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy:

***** Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

***** Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải. Do vậy cả 12 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Các bị cáo Nguyễn Tường T, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Nguyễn Văn S, Tống Văn T, Đàm Văn B, Nguyễn Quang T, Tô Văn N, Nguyễn Văn T, Đàm Văn B1

đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo này được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Bị cáo Tống Văn M có mẹ đẻ Trần Thị Niềm là người có nhiều thành tích trong công tác tại địa phương, năm 2009 bà Niềm được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang tặng Bằng khen trong công tác dân số kế hoạch hóa gia đình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo Tống Văn M.

* Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy:

- Bị cáo Nguyễn Tiến T là người có nhân thân xấu, thể hiện ở việc bị cáo đã 2 lần bị Tòa án nhân dân huyện L kết án về tội "Trộm cắp tài sản", hiện nay bị cáo đang phải chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến (Bộ Công an) về tội "Trộm cắp tài sản". Lẽ ra bị cáo phải lấy đó là những bài học cho mình để tự tu dưỡng, rèn luyện trở thành người công dân tốt nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Qua đó thể hiện bị cáo là người khó giáo dục, cải tạo, coi thường pháp luật của Nhà nước nên cần phải có một hình phạt nghiêm để giáo dục đối với bị cáo, cũng như để phòng ngừa chung.

- Bị cáo Tống Văn M: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2010/HSST ngày 15/3/2010 của Toà án nhân dân huyện Sơn Động xử phạt bị cáo 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án trên. Tại khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự năm 2015 có quy định "Người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng không bị coi là có án tích". Căn cứ vào khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự thì bị cáo Tống Văn M được coi là người có nhân thân tốt.

[5] Căn cứ vào T chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Bị cáo Nguyễn Tiến T là người có nhân thân xấu, mặt khác bị cáo là người giữ vai trò cao nhất trong vụ án vì có số tiền sử dụng đánh bạc nhiều nhất. Do vậy xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo Nguyễn Tiến T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cần thiết mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật và sống có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo Nguyễn Tường T, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Nguyễn Văn S, Tống Văn T, Tống Văn M, Đàm Văn B, Nguyễn Quang T, Tô Văn N, Nguyễn Văn T, Đàm Văn B1 đều phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án, các bị cáo là người có nhân thân tốt theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và đều được

hưởng từ hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, không bị cáo nào phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo này có đủ các điều kiện được hưởng án treo và chỉ cần cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo này trở thành những công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội. Điều đó là thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng trong pháp luật hình sự của Nhà nước ta, phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49 – NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị trong đó nêu rõ "Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ".

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích vụ L (thu lời bất chính) nên xét thấy ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Tiến T, Nguyễn Tiến T1 thuộc diện hộ nghèo, các bị cáo Bàn Văn Đ, Tống Văn M, Đàm Văn B, Tống Văn T, Đàm Văn B1, Tô Văn N đều thuộc diện "Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn" nên miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với những bị cáo này là phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với Đàm Văn P, Tống Văn C, Dương Văn T, Chu Văn T, Nguyễn Đình L và Phan Văn T có mặt tại nơi các đối tượng đánh bạc nhưng  không tham gia đánh bạc. Hội đồng xét xử xét thấy việc Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm đối với những người này là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với Tô Văn T, Đàm Văn T, Bùi Thanh H là người tham gia đánh bạc từ đầu, sau đó nghỉ không tham gia đánh bạc nữa. Khi Cơ quan điều tra vào bắt quả tang, các đối tượng này đều đã về trước không tham gia đánh bạc cùng các đối tượng còn lại. Quá trình điều tra xác định số tiền các đối tượng này đã sử dụng vào việc đánh bạc đều dưới 5.000.000 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự. Ngày 19/02/2020 Công an huyện L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H, T và T về hành vi đánh bạc theo quy định tại Nghị định 167/CP/2013, ngày 12/11/2013 của Chính phủ, mức phạt 1.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc Cơ quan điều tra xử lý trách nhiệm đối với những người này phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với bà Trần Thị L là chủ nhà, quá trình điều tra xác định bà L không biết việc các đối tượng đánh bạc nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử xét thấy việc xử lý của Cơ quan điều tra là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Bá T: Sau khi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã Quyết định tách vụ án ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Bá T để tiếp tục điều tra để xử lý sau là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 5.130.000 đồng thu giữ trên người Đàm Văn P, Tống Văn C, Dương Văn T. Các điện thoại di động thu giữ trong quá trình bắt quả tang xác định không liên quan đến việc đánh bạc. Ngày 14/02/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề này.

Đối với 5 xe mô tô khác thu giữ khi bắt quả tang hiện đang tạm giữ lại Công an huyện L: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tra cứu xác định không phải là vật chứng của vụ án nào khác. Cơ quan điều tra đã tra cứu thông tin chủ sở hữu xe, gửi thông báo cho chủ sở hữu và địa phương cư trú nhưng chưa có ai đến nhận xe và làm việc với cơ quan điều tra. Công an huyện Lục Ngạn tiếp tục tạm giữ để xác minh xử lý đối với 5 chiếc xe mô tô này là phù hợp quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết đối với những vật chứng này.

*** Đối với vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án thì xử lý như sau:**

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 98N2- 1922 thu giữ của bị cáo Nguyễn Tiến T. Đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Tiến T, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo T.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 98L1- 7260 thu giữ của bị cáo Nguyễn Quang T. Đây là tài sản của bị cáo Thắng nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với 01 bát con bằng sứ màu trắng, 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng có hoa văn hoa, 04 quân bài vị bằng gỗ, một mặt màu đen, một mặt màu nâu, 02 chiếu nhựa, 01 chiếu cói đã cũ: Đây là các công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 20.545.000 đồng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L thì xử lý như sau: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 20.190.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc; Số tiền còn lại là 355.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) trả lại cho bị cáo Đàm Văn B vì đây là tài sản của bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc.

- Đối với 01 điện thoại Nokia màu trắng và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen thu giữ của Nguyễn Tiến T: Đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Tiến T, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo T.

[9] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Tường T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Tiến T, Nguyễn Tiến T1 thuộc diện hộ nghèo. Các bị cáo Bàn Văn Đ, Tống Văn M, Đàm Văn B, Tống Văn T, Đàm Văn B1, Tô Văn N thuộc diện "Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn" nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền L nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến T;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Tường T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn T;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Tống Văn T, Đàm Văn B, Tô Văn N, Đàm Văn B1;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tống Văn M.

**1. Về tội danh**: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến T, Nguyễn Tường T, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Nguyễn Văn S, Tống Văn T, Tống Văn M, Đàm Văn B, Nguyễn Quang T, Tô Văn N, Nguyễn Văn T, Đàm Văn B1 phạm tội "Đánh bạc".

**2. Về hình phạt:**

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 13 (Mười ba) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Toà án nhân dân huyện L. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 25 (Hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù T từ ngày 31/12/2019 nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Tiến T.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tường T 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án 23/6/2020. Giao bị cáo Nguyễn Tường T cho Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện L, tỉnh Bắc

Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Xử phạt Bàn Văn Đ 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2020. Giao bị cáo Bàn Văn Đ cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Bàn Văn Đ.

- Xử phạt Nguyễn Tiến T1 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2020. Giao bị cáo Nguyễn Tiến T1 cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Nguyễn Tiến T1.

- Xử phạt Nguyễn Văn S 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2020. Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Xử phạt Tống Văn T 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2020. Giao bị cáo Tống Văn T cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Tống Văn T.

- Xử phạt Tống Văn M 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2020. Giao bị cáo Tống Văn M cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Tống Văn M.

- Xử phạt Đàm Văn B 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2020. Giao bị cáo Đàm Văn B cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Đàm Văn B.

- Xử phạt Nguyễn Quang T 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2020. Giao bị cáo Nguyễn Quang T cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Xử phạt Tô Văn N 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2020. Giao bị cáo Tô Văn N cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Tô Văn N.

- Xử phạt Nguyễn Văn T 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2020. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Xử phạt Đàm Văn B1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2020. Giao bị cáo Đàm Văn B1 cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với Đàm Văn B1.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

***Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách:**

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3. Về xử lý vật chứng**: Áp dụng 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn xanh, biển kiểm soát 98N2- 1922, số khung 000037, số máy 002237 (Xe không có yếm).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trắng có số Imel 358253047950004 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen có số Imel 1: 354179106243805; số Imel 2: 35417910683804.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang T 01 xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA, loại xe Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98L1- 7260, số khung 104457, số máy 000104457 (Xe không có yếm). Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 bát con bằng sứ màu trắng, 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng có hoa văn hoa, 04 quân bài vị bằng gỗ (một mặt màu đen, một mặt màu nâu), 02 chiếu nhựa, 01 chiếu cói đã cũ.

****Đối với số tiền 20.545.000 đồng thì xử lý như sau:***

- Trả lại cho bị cáo Đàm Văn B 355.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 20.190.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

*(Tất cả vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên bản giao nhận vật chứng số 59 ngày 01/6/2020)*

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Tường T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Tiến T, Đàm Văn B, Đàm Văn B1, Tống Văn T, Bàn Văn Đ, Nguyễn Tiến T1, Tống Văn M và Tô Văn N.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền L nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện L;
- VKSND huyện L;
- UBND xã L, huyện L;
- UBND xã T, huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bộ phận THAHS (Tòa án);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thái Sơn**